**Tiết 1: Toán**

**BÀI 5 (TIẾT 2): BẢNG CHIA 3**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Hình thành được bảng chia 3

- Vận dụng được vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 3 và bảng chia 3.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp, giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Slide, PBT.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3-5’)** | |
| - GV tổ chức trò chơi truyền điện để khởi động bài học: Bảng nhân 3  + GV phổ biến luật chơi và cách hơi  - Gọi H đọc bảng nhân 3  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  -H đọc thuộc bảng nhân  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá( 12-15’)** | |
| - Sử dụng AI – Đưa tình huống: “Có 4 tấm thẻ, mỗi tấm thẻ có 3 chấm tròn. Hãy suy nghĩ tìm số chấm tròn của 4 thẻ, viết phép tính vào b/c.  + Trao đổi N2 cách làm, kết quả.  - Gọi HS báo cáo:  + Có tất cả bn chấm tròn?  Em làm thế nào?  + Bao nhiêu bạn ra KQ như bạn?  - G nhận xét – Viết bảng: 3 x 4 = 12  - Yêu cầu: Từ PT nhân trên, viết 2 phép chia tương ứng.  - HS báo cáo: 12 : 3 = 4; 12 : 4 = 3  - GV: 2 phép chia đều đúng, từ 1 phép nhân viết được 2 phép chia tương ứng.  + Phép chia nào là phép chia cho 3? Vì sao em biết?  -> Đây là 1 phép chia trong bảng chia 3.  - Gọi HS đọc 2 PT trên  + Em có nhận xét gì về thành phần 2 PT này?  - GV ghi phép chia 3 tương ứng: 12 : 3 = 4  -> Đây chính là mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia. Dựa vào phép nhân 3 ta lập được phép chia 3 tương ứng.  + Để lập được các phép chia 3 em dựa vào đâu?  - Cho HS nhận xét, nhắc lại.  - GV lấy thêm PT nhân: 3 x 5 = 15 – Y/c HS lập phép chia 3 tương ứng.  - G ghi bảng: 15 : 3 = 5  - Đưa bảng chia (chưa có KQ) **- Slide**  - Đưa slide giao nhiệm vụ:  + Việc 1: Dựa bảng nhân 3, lập bảng chia 3 tương ứng vào PBT/SGK.  + Việc 2: Trao đổi KQ trong N2.  - Gọi HS báo cáo theo dãy, hỏi cách làm PT:  21 : 3 = 7; 30 : 3 = 10  - Cho HS đọc lại bảng chia.  - Gọi H nhận xét thành phần phép tính trong bảng chia  **=>GV chốt:** đặc điểm bảng chia 3, mối quan hệ phép nhân và phép chia.  \* Cho HS nhẩm thuộc.  - GV NX, tuyên dương | - HS nghe + quan sát  - HS làm việc cá nhân - > N2  - HS báo cáo: 12 chấm tròn  - HS nêu PT: 3 x 4 = 12  - Hs giơ tay  - Hs viết 2 phép chia / BC  - HS báo cáo – NX  - 12 : 3 = 4. Ví SC là 3  - HS đọc 2 PT  - SBC trong phép chia 3 chính là tích trong phép nhân 3, SC là 3, thương là TS còn lại trong phép nhân 3.  - HS nghe  - Phép nhân 3; lấy tích PN 3 chia cho TS 3 bằng TS còn lại  - HS nhận xét, nhắc lại.  - HS lập phép chia tương ứng:  - HS báo cáo: 15 : 3 = 5 - NX  - HS quan sát  - HS thực hiện  - HS báo cáo theo dãy và nêu cách làm  - HS đọc lại bảng chia.  - H nêu: SBC chính là tích của bảng nhân 3....  - HS nhẩm thuộc  - H đọc lại bảng chia |
| **3. Hoạt động( 5-7’)** | |
| **\*Bài 1. (S)**  **-** GV mời 1 HS nêu YC của bài  - Yêu cầu học sinh vận dụng bảng chia 3 và viết số thích hợp ở dấu “?” trong bảng vào vở.  - Soi vở của HS và mời lớp nhận xét - Soi bài  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **=>GV chốt:** Để làm bài 1 em dựa vào đâu?  **\*Bài 2: (PBT)**  - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài  - Yêu cầu HS nối mỗi phép tính ở con ong với kết quả tương ứng ở cạnh hoa vào phiếu học tập  - Gọi HS trình bày kết quả, nhận xét. – Soi bài  **+** Muốn làm đúng bài tập em làm như thế nào?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  **=>GV chốt:** cách làm – 3 bước | - 1 HS nêu: Số  - HS làm vào S  *Các số lần lượt điền vào bảng là: 4; 5; 6; 7; 8; 10*  - Bảng chia 3  - H nêu  - HS nối mỗi phép tính ở con ong với kết quả tương ứng ở cạnh hoa vào phiếu học tập  - HS khác NX  - ..tính KQ của từng con ong , quan sát KQ của mõi cánh hoa, so sánh và chọn dể nối |
| **4. Luyện tập (10-12’)** | |
| **\*Bài 1: (PBT)**  - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi  - Mời HS trình bày kết quả,  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV hỏi:  + Trong các phép tính ở các chén, phép tính nào có kết quả lớn nhất?  + Trong các phép tính ở các đĩa, phép tính nào có kết quả bé nhất?  ? Muốn làm đúng bài tập em cần làm như thế nào?  **=>GV chốt:** cách làm - ***Slide***  **\*Bài 2: (V)**  - GV mời HS đọc bài toán  - GV hỏi: + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?    - GV yêu cầu HS làm bài vào vở  - Soi bài  - GV nhận xét, tuyên dương.  **=>GV chốt:** cách trình bày bài | -1HS nêu: Hai phép tính nào dưới đây có cùng kết quả?  - HS thảo luận nhóm đôi thực hiện vào phiếu học tập  - Đại diện nhóm nêu kết quả , nhóm khác nhận xét  - HS nghe  - HS trả lời  + 5 x 3  + 20 : 5  - Tính nhẩm kết quả mỗi phép tính ở các chén hoặc ở các đĩa, rồi so sánh kết quả các phép tính sau đó nối 2 phép tính có cùng kết quả.  - 1HS đọc bài toán  - HS trả lời:  + Chia đều 30 que tính thành 3 bó  + Mỗi bó có bao nhiêu que tính.  - HS làm vào vở.  - HS chia sẻ  Dự kiến chia sẻ:  + Tại sao bạn làm phép tính chia?  + Vận dụng kiến thức gì để làm bài?  + Ai có câu trả lời khác?  + Bài toán thuộc dạng toán gì? …  - HS nghe |
| **5. Vận dụng. (1-2’)** | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 3, bảng chia 3 *(Dành cho Hs khá/ giỏi)*  + Câu 1: Mỗi hộp có 3 bút chì. Hỏi 8 hộp như vậy có bao nhiêu bút chì?  + Câu 2: 24 : 3 = ?  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS trả lời:  + Câu 1: 8 hộp như vậy có 24 bút chì.  + Câu 2: 24 : 3 = 8  - HS nghe |

# **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_